

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỞNG HOÁ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2019.

*“Yêu cầu phân chia tài sản chung
sau khi ly hôn”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỞNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Văn Toàn.

Bà Đoàn Thị Kim Dung.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tú Oanh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Đợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hướng Hoá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục sơ thẩm vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc Quỳnh C, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Bị đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc D; Chức vụ: Phó trưởng phòng kế hoạch – Kinh doanh NHNN& PTNT Chi nhánh Hướng Hóa – Quảng Trị (Văn bản ủy quyền số 328/UQ-NHNoHH ngày 29/8/2019 của Giám đốc NHNN& PTNT Chi nhánh Hướng Hóa – Quảng Trị); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2018; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải ngày 03/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Ngọc Quỳnh C trình bày:

Bà Trần Ngọc Quỳnh C và ông Dương Văn T kết hôn với nhau năm 2011 và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 77/2018/QĐST - HNGĐ ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị nhưng về phần tài sản thì chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay bà Trần Ngọc Quỳnh C yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia các tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm:

+ 01 mảnh đất có diện tích 351m² tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất: Khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C có giá là 500.000.000đ; Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây kiên cố đổ bằng 01 trệt tại khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị có giá là 623.523.600đ; Chái phía sau nhà có diện tích 37.83m², có giá 11.840.000đ; Sân lát gạch có diện tích 115.14m², có giá 25.134.000đ; Tường rào trái nhìn từ cổng vào có diện tích 69m², có giá 48.300.000đ; Tường rào sắt hộp có diện tích 5.6m², có giá 2.240.000đ; Cửa cổng sắt hộp có diện tích 6m², có giá 5.250.000đ; Chòi trước sân được đúc cột bằng bê tông, lợp ngói có diện tích 12.9m², có giá 7.378.800đ; Tường rào dưới cao có diện tích 5.6m² xây kín, phía trên hoa sắt thép hộp chiều cao 5.6m², có giá 4.480.000đ; Tường rào phía trước nhìn từ cổng vào phần xây kín có diện tích 3.5m², có giá 1.400.000đ; Tường rào trước nhìn từ cổng vào phía trên hoa sắt có diện tích 4m², có giá 1.600.000đ; Tường rào bên phải nhà nhìn từ cổng vào phần xây kín có diện tích 9.66m², có giá 3.864.000đ; Tường rào bên phải nhà nhìn từ cổng vào phần hoa sắt có diện tích 5.78m², có giá 2.312.000đ; Mái hiên sân trước lợp tôn, xà gồ sắt hộp có diện tích 38m², có giá 11.894.000đ; Chái bên hiên nhà nhìn từ cổng vào phía bên trái: kèo, xà gồ bằng thép hộp, nền lát gạch có diện tích 20.58m², có giá 8.232.000đ, tổng cộng: 1.257.448.400đ (đã thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị).

+ 01 mảnh đất nhận chuyển nhượng từ hộ ông Lê Đình Cả có diện tích 1590 m² (150 m² đất ở đô thị + 201 m² đất trồng cây lâu năm) tại tờ bản đồ số 14, số thửa 84 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 577532 do UBND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 27/12/2001 cho hộ ông Lê Đình Cả (ngày 16/01/2018 hộ ông Cả chuyển nhượng cho ông T và bà C toàn bộ diện tích trên giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất đã thực hiện thủ tục chỉnh lý trang 4 giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất) tại khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có giá 242.800.000đồng. Tổng cộng: 1.500.248.400đồng. Giá trị tài sản nhà và đất nói trên theo kết quả định giá ngày 16/4/2019.

Về khoản nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Hướng Hóa, Quảng Trị số tiền 402.721.257đồng tính đến thời điểm bà Trần Ngọc Quỳnh C và ông Dương Văn T ly hôn ngày 27/11/2018.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/02/2019 bà Trần Ngọc Quỳnh C làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản chung gồm: 02 cái Tivi hiệu LG; bộ bàn ghế 07 món; Bộ bàn ăn; Bộ ngựa bằng gỗ; Tủ lạnh Sanyo; Máy giặt Sanyo; Máy lạnh Panasonic; Tranh gỗ, tượng gỗ; Tủ quần áo 04 buồng; Bàn trang điểm; Máy nóng lạnh; Lò nướng; Bộ dao Đức; Xích đu bằng inox; 02 cây xanh cổ thụ.

Nguyên đơn bà Trần Ngọc Quỳnh C yêu cầu Tòa án phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ như sau: Tổng giá trị tài sản là 1.500.248.400đồng, mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản = 1.500.248.400đ : 2 = 750.124.200đ.

Bà Trần Ngọc Quỳnh C được sử dụng 01 mảnh đất nhận chuyển nhượng từ hộ ông Lê Đình Cả diện tích 1590m² tại tờ bản đồ số 14, số thửa 84 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U577532 do UBND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 27/12/2001 cho hộ ông Lê Đình Cả có giá 242.800.000đ.

Giao cho ông Dương Văn T được sử dụng, sở hữu 01 mảnh đất có diện tích 351m² tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất: Khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C có giá là 500.000.000đ; Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây kiên cố đổ bằng 01 trệt tại khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị có giá là 623.523.600đ; Chái phía sau nhà có diện tích 37.83m², có giá 11.840.000đ; Sân lát gạch có diện tích 115.14m², có giá 25.134.000đ; Tường rào trái nhìn từ cổng vào có diện tích 69m², có giá 48.300.000đ; Tường rào sắt hộp có diện tích 5.6m², có giá 2.240.000đ; Cửa cổng sắt hộp có diện tích 6m², có giá 5.250.000đ; Chòi trước sân được đúc cột bằng bê tông, lợp ngói có diện tích 12.9m², có giá 7.378.800đ; Tường rào dưới cao có diện tích 5.6m² xây kín, phía trên hoa sắt thép hộp chiều cao 5.6m², có giá 4.480.000đ; Tường rào phía trước nhìn từ cổng vào

phần xây kín có diện tích $3.5m^2$, có giá 1.400.000đ; Tường rào trước nhìn từ cổng vào phía trên hoa sắt có diện tích $4m^2$, có giá 1.600.000đ; Tường rào bên phải nhà nhìn từ cổng vào phần xây kín có diện tích $9.66m^2$, có giá 3.864.000đ; Tường rào bên phải nhà nhìn từ cổng vào phần hoa sắt có diện tích $5.78m^2$, có giá 2.312.000đ; Mái hiên sân trước lợp tôn, xà gồ sắt hộp có diện tích $38m^2$, có giá 11.894.000đ; Chái bên hiên nhà nhìn từ cổng vào phía bên trái: kèo, xà gồ bằng thép hộp, nền lát gạch có diện tích $20.58m^2$, có giá 8.232.000đ, tổng cộng: 1.257.448.400đồng.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Dương Văn T có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tại Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị theo các Hợp đồng tín dụng số 0907-LAV-201702970 ngày 16/11/2017 với hạn mức tín dụng là 150.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/11/2022 và Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201601948 ngày 22/6/2016 với hạn mức tín dụng là 300.000.000đồng thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 22/6/2021, dư nợ tính đến thời điểm bà C và ông T ly hôn ngày 27/11/2018 là 402.721.257đ.

Sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị, giá trị tài sản chung còn lại là: 1.500.248.400đ - 402.721.257đồng = 1.097.527.143đồng. Như vậy mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản là: 1.097.527.143đ: 2 = 548.763.572đ. Ông Dương Văn T được sử dụng và sở hữu tài sản có giá trị lớn hơn bà Trần Ngọc Quỳnh C nên ông T phải có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho bà C.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải ngày 03/5/2019, bị đơn ông Dương Văn T Trình bày: Bà Trần Ngọc Quỳnh C và Ông Dương Văn T có trách nhiệm trả hết các khoản nợ vay cho Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị, sau đó ông T và bà C làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho cả ba con chung của ông T và bà C là Dương Tuệ N, Dương Thanh P và Dương Thanh Tr.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Văn T trình bày: Đối với nguồn gốc mảnh đất có diện tích $351m^2$ tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất: Khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C do bố mẹ ông T cho ông T trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà C, đến năm 2016 ông T cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả ông T và bà C do đó ông T cho rằng tài sản riêng của ông T chứ không phải tài sản chung của vợ chồng. Tài sản chung của vợ chồng chỉ có ngôi nhà và các tài sản trên đất và mảnh đất nhận chuyển nhượng của ông Lê Đình Cả và khoản nợ Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị là nợ chung của vợ chồng, chia đôi giá trị tài sản và nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, bà Trần Ngọc Quỳnh C thừa nhận mảnh đất có diện tích 351m² tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất: Khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C do cha mẹ ông T cho ông T trong thời kỳ hôn nhân của bà C và ông T năm 2015, đến năm 2016 ông T đã nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng và đã xây nhà, các công trình khác trên mảnh đất nói trên nên là tài sản chung của bà C và ông T trong thời kỳ hôn nhân.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải ngày 03/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị trình bày: Bà Trần Ngọc Quỳnh C và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0907-LAV-201702970 ngày 16/11/2017 với hạn mức tín dụng là 150.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/11/2022 và Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201601948 ngày 22/6/2016 với hạn mức tín dụng là 300.000.000đồng thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 22/6/2021. Để bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn của các hợp đồng tín dụng, bà Trần Ngọc Quỳnh C, ông Dương Văn T đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên diện tích 351 m² tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 197091255/HĐTC ngày 15/6/2016 đã được ký kết giữa Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị và bà Trần Ngọc Quỳnh C, ông Dương Văn T. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C phải trả hết số nợ vay tại Chi nhánh ngân hàng Agribank Hướng Hóa trước khi phân chia tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Ngọc Quỳnh C giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 77/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Dương Văn T và Trần Ngọc Quỳnh C (Bản chứng thực); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lê Đình Cả (bản phô tô); Đơn xin xác nhận nhân khẩu thường trú; Bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Trần Ngọc Quỳnh C; Bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Dương Văn T.

Bị đơn ông Dương Văn T không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh Hương Hóa giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy ủy quyền số 168A/UQ-NHNoHH ngày 26/4/2019, văn bản số 164A/NHNoHH ngày 26/4/2019, hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201702970, hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201601948, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Dương Văn T và Trần Ngọc Quỳnh C.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập được tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị gồm: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Dương Văn T, Trần Ngọc Quỳnh C; hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tên Lê Đình Cả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 26, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 96, 97 của Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự, thủ tục; thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chuẩn bị xét xử tuân thủ đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc xét xử được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 213, 357 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 28, khoản 2 Điều 147, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 34, khoản 1, 3 Điều 37, Điều 59, 60, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Giao cho bà C được sử dụng 01 mảnh đất nhận chuyển nhượng từ hộ ông Lê Đình Cả có diện tích 1590 m² (150 m² đất ở đô thị + 201 m² đất trồng cây lâu năm) tại tờ bản đồ số 14, số thửa 84 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 577532 do UBND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 27/12/2001 cho hộ ông Lê Đình Cả (ngày 16/01/2018 hộ ông Cả chuyển nhượng cho ông T và bà C toàn bộ diện tích trên giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất đã thực hiện thủ tục chỉnh lý trang 4 giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất) tại khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có giá 242.800.000đồng.

Giao cho ông T được sử dụng, sở hữu 01 mảnh đất có diện tích 351m² tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất: Khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C và các tài sản trên đất có giá 1.257.448.400đ.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Dương Văn T có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện và chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc tính đến ngày 29/8/2019 cho Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị là 343.758.466đồng (*ba trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*) và tiền lãi vay hàng tháng theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 0907-LAV-201702970 ngày 16/11/2017, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/11/2022 và Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201601948 ngày 22/6/2016, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 22/6/2021 kèm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 197091255/HĐTC ngày 15/6/2016 đã được ký kết giữa Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị và bà Trần Ngọc Quỳnh C, ông Dương Văn T, tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất diện tích 351 m² tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C.

Về nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản: Buộc ông Dương Văn T phải thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho bà Trần Ngọc Quỳnh C là 205.963.571đồng.

Về án phí: Buộc bà C và ông T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trưng cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Ngọc Quỳnh C và ông Dương Văn T xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp vào năm 2011 và đã tạo dựng được khối tài sản chung. Đến năm 2018 bà C và ông T thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 77/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị nhưng về phần tài sản chung thì chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Đối với yêu cầu của bà Trần Ngọc Quỳnh C giải quyết về chia tài sản chung là 01 mảnh đất có diện tích 351m² tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất: Khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C có giá trị 500.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C đều xác định nguồn gốc mảnh đất nói trên do cha mẹ của ông T cho ông T trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà C tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 355033 do UBND huyện Hướng Hóa cấp ngày 09/9/2015 mang tên ông Dương Văn T. Đến ngày 24/02/2016, ông Dương Văn T có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận là bổ sung tên vợ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy mảnh đất trên có được sau khi kết hôn, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên có căn cứ xác định là tài sản chung của ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C là phù hợp theo quy định tại Điều 33, Điều 34, khoản 3 Điều 38 của Luật hôn nhân gia đình cần được chấp nhận. Việc ông T cho rằng mảnh đất trên là tài sản riêng của ông T là không có căn cứ. Tuy nhiên xét các yếu tố đóng góp công sức tạo lập tài sản, khi chia tài sản chung của ông T và bà C để xác định tỷ lệ tài sản mà mỗi người được chia, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung là do sự đóng góp về tài sản riêng của gia đình cha mẹ ông T nên ông T được xem là có công sức đóng góp nhiều hơn sẽ được chia nhiều hơn theo tỷ lệ ông T được hưởng 70% giá trị tài sản, tương ứng $500.000.000\text{đồng} \times 70\% = 350.000.000\text{đồng}$; bà C được hưởng 30% giá trị tài sản, tương ứng $500.000.000\text{đồng} \times 30\% = 150.000.000\text{đồng}$ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Đối với các tài sản xây dựng trên mảnh đất có diện tích 351m^2 tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất: Khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C, gồm: 01 ngôi nhà xây kiên cố đổ bằng 01 trệt tại khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị có giá là 623.523.600đ; Chái phía sau nhà có diện tích 37.83m^2 , có giá 11.840.000đ; Sân lát gạch có diện tích 115.14m^2 , có giá 25.134.000đ; Tường rào trái nhìn từ cổng vào có diện tích 69m^2 , có giá 48.300.000đ; Tường rào sắt hộp có diện tích 5.6m^2 , có giá 2.240.000đ; Cửa cổng sắt hộp có diện tích 6m^2 , có giá 5.250.000đ; Chòi trước sân được đúc cột bằng bê tông, lợp ngói có diện tích 12.9m^2 , có giá 7.378.800đ; Tường rào dưới cao có diện tích 5.6m^2 xây kín, phía trên hoa sắt thép hộp chiều cao 5.6m^2 , có giá 4.480.000đ; Tường rào phía trước nhìn từ cổng vào phần xây kín có diện tích 3.5m^2 , có giá 1.400.000đ; Tường rào trước nhìn từ cổng vào phía trên hoa sắt có diện tích 4m^2 , có giá 1.600.000đ; Tường rào bên phải nhà nhìn từ cổng vào phần xây kín có diện tích 9.66m^2 , có giá 3.864.000đ; Tường rào bên phải nhà nhìn từ cổng vào phần hoa sắt có diện tích 5.78m^2 , có giá 2.312.000đ; Mái hiên sân trước lợp tôn, xà gồ sắt hộp có diện tích 38m^2 , có giá 11.894.000đ; Chái bên hiên nhà nhìn từ cổng vào phía bên trái: kèo, xà gồ bằng thép hộp, nền lát gạch có diện tích 20.58m^2 , có giá 8.232.000đ, tổng cộng: 757.448.400đ và 01 mảnh đất nhận chuyển nhượng từ hộ ông Lê Đình Cả diện tích 1590m^2 tại tờ bản đồ số 14, số thửa 84 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U577532 do UBND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 27/12/2001 cho hộ ông Lê Đình Cả có giá 242.800.000đ là tài sản do bà C và ông T tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nên chia đôi giá trị tài sản, mỗi người được hưởng 500.124.200đ. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phân chia tài sản cụ thể như sau:

Giao cho bà C được sử dụng mảnh đất nhận chuyển nhượng từ hộ ông Lê Đình Cả có diện tích 1590m^2 (150m^2 đất ở đô thị + 201m^2 đất trồng cây lâu năm) tại tờ bản đồ số 14, số thửa 84 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 577532 do UBND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 27/12/2001 cho hộ ông Lê Đình Cả (ngày 16/01/2018 hộ ông Cả chuyển nhượng cho ông T và bà C) có giá trị 242.800.000đ.

Giao cho ông T được sử dụng, sở hữu 01 mảnh đất có diện tích 351m^2 tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất: Khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C có giá trị 500.000.000đ; Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây kiên cố đổ bằng 01 trệt tại khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị có giá trị

623.523.600đ và các tài sản khác trên đất có giá trị 133.924. 800đ, tổng cộng 1.257.448.400đ.

[4] Về xác định giá trị tài sản, Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản theo yêu cầu và bà C đồng ý kết quả định giá theo Biên bản định giá đã xác định giá trị mảnh đất tên ông T, bà C có giá 500.000.000đồng; nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất là: 757.448.400đồng; mảnh đất nhận chuyển nhượng từ hộ ông Lê Đình cả có giá thị trường là 242.800.000đồng. Ông Dương Văn T được Tòa án thông báo về kết quả định giá tài sản và cũng không có văn bản ý kiến gì gửi cho Tòa án nên cần chấp nhận giá trị tài sản theo Biên bản định giá ngày 16/4/2019 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2014/TTLT – TANDT – VKSNDTC – BTP – BTC ngày 28/3/2014.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Trần Ngọc Quỳnh C và ông Dương Văn T xác định khoản nợ chung gồm: Tại các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị và bà Trần Ngọc Quỳnh C: Hợp đồng tín dụng số 0907-LAV-201702970 ngày 16/11/2017 với hạn mức tín dụng là 150.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/11/2022 và Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201601948 ngày 22/6/2016 với hạn mức tín dụng là 300.000.000đồng thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 22/6/2021. Để bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn của các Hợp đồng tín dụng, bà Trần Ngọc Quỳnh C và ông Dương Văn T đã thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 351 m² tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 197091255/HĐTC ngày 15/6/2016 đã được ký kết giữa Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị và bà Trần Ngọc Quỳnh C, ông Dương Văn T. Dư nợ cả gốc, lãi tính đến thời điểm bà C và ông T ly hôn ngày 27/11/2018 là 402.721.257đ, vì vậy cần chấp nhận đây là khoản nợ chung của bà C và ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1, 3 Điều 37 và Điều 60 của Luật hôn nhân gia đình. Sau khi bà C và ông T ly hôn, ông T đã trả cho Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị tính đến ngày xét xử 29/8/2016 cả gốc và lãi là 58.962.792đ, dư nợ 343.758.466đ. Do đó ông T yêu cầu chia đôi nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận, mỗi người phải trả 343.758.466đ : 2 = 171.879.233đ. Đối với số tiền mà ông T đã trả cho Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa sau khi ly hôn là 58.962.792đ, buộc bà C phải thanh toán lại cho ông T số tiền 29.481.396đ là phù hợp. Ông T được sử dụng, sở hữu các tài sản đang thế chấp Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị do đó buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0907-LAV-201702970 ngày 16/11/2017 với hạn mức tín dụng là 150.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn

trả nợ cuối cùng ngày 16/11/2022 và Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201601948 ngày 22/6/2016 với hạn mức tín dụng là 300.000.000đồng thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 22/6/2021 là phù hợp. Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị và ông Dương Văn T tiếp tục thực hiện các hợp đồng tín dụng nói trên.

[6] Về nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản: Do ông T được hưởng phần giá trị tài sản lớn hơn bà C là 514.648.400đ nên buộc ông T phải thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản là 257.324.200đ ($514.648.400đ : 2 = 257.324.200đ$) cộng với 30% giá trị tài sản được hưởng từ mảnh đất có giá 500.000.000đ tương ứng với số tiền 150.000.000đ, tổng cộng 407.324.200đ, nhưng phải trừ phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là 407.324.200đ - 171.879.233đ - 29.481.396đ = 205.963.571đ. Buộc ông Dương Văn T phải thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho bà Trần Ngọc Quỳnh C là 205.963.571đ (Hai trăm lẻ năm triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi một đồng).

Như vậy tổng giá trị tài sản mà bà Trần Ngọc Quỳnh C được hưởng là: 650.124.200đ (Sáu trăm năm mươi triệu một trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm đồng); ông Dương Văn T được hưởng là 850.124.200đ (tám trăm năm mươi triệu một trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

[7] Đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc Quỳnh C, không yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản gồm: 02 cái Tivi hiệu LG; bộ bàn ghế 07 món; Bộ bàn ăn; Bộ ngựa bằng gỗ; Tủ lạnh Sanyo; Máy giặt Sanyo; Máy lạnh Panasonic; Tranh gỗ, tượng gỗ; Tủ quần áo 04 buồng; Bàn trang điểm; Máy nóng lạnh; Lò nướng; Bộ dao Đức; Xích đu bằng inox; 02 cây xanh cổ thụ. Xét thấy bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Trần Ngọc Quỳnh C đồng ý chịu toàn bộ chi phí nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc:

Bà Trần Ngọc Quỳnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung đối với giá trị phần tài sản được hưởng 650.124.200đ là 20.000.000đ + 4% giá trị tài sản vượt quá 400.000.000đ là 10.004.968đ, tổng cộng 30.004.968đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.250.000đồng theo Biên lai số AA/2014/0007215 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa. Bà Trần Ngọc Quỳnh C còn phải nộp thêm 754.968đồng.

Ông Dương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung đối với giá trị phần tài sản được hưởng 850.124.200đ là 36.000.000đ + 3% của phần giá trị tài sản vượt 800.000.000đ là 1.503.726đ, tổng cộng 37.503.726đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 213, 357 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 28, khoản 2 Điều 147, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 34, khoản 1, 3 Điều 37, Điều 59, 60, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Giao cho bà C được sử dụng mảnh đất nhận chuyển nhượng từ hộ ông Lê Đình Cả có diện tích 1590 m² (150 m² đất ở đô thị + 201 m² đất trồng cây lâu năm) tại tờ bản đồ số 14, số thửa 84 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 577532 do UBND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 27/12/2001 cho hộ ông Lê Đình Cả (ngày 16/01/2018 hộ ông Cả chuyển nhượng cho ông T và bà C) có giá trị 242.800.000đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Giao cho ông Dương Văn T được sử dụng, sở hữu 01 mảnh đất có diện tích 351m² tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất: Khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C có giá là 500.000.000đ; Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây kiên cố đồ bằng 01 trệt tại khối 3A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị có giá là 623.523.600đ; Chái phía sau nhà có diện tích 37.83m², có giá 11.840.000đ; Sân lát gạch có diện tích 115.14m², có giá 25.134.000đ; Tường rào trái nhìn từ cổng vào có diện tích 69m², có giá 48.300.000đ; Tường rào sắt hộp có diện tích 5.6m², có giá 2.240.000đ; Cửa cổng sắt hộp có diện tích 6m², có giá 5.250.000đ; Chòi trước sân được đúc cột bằng bê tông, lợp ngói có diện tích 12.9m², có giá 7.378.800đ; Tường rào dưới cao có diện tích 5.6m² xây kín, phía trên hoa sắt thép hộp chiều cao 5.6m², có giá 4.480.000đ; Tường rào phía trước nhìn từ cổng vào phần xây kín có diện tích 3.5m², có giá 1.400.000đ; Tường rào trước nhìn từ cổng vào phía trên hoa sắt có diện tích 4m², có giá 1.600.000đ; Tường rào bên phải nhà nhìn từ cổng vào phần xây kín có diện tích 9.66m², có giá 3.864.000đ; Tường rào bên phải nhà nhìn từ cổng vào phần hoa sắt có diện tích 5.78m², có giá 2.312.000đ; Mái hiên sân trước lợp tôn, xà gồ sắt hộp có diện tích 38m², có giá 11.894.000đ; Chái bên hiên nhà nhìn từ cổng vào phía bên trái: kèo, xà gồ bằng thép hộp, nền lát

gạch có diện tích 20.58m², có giá 8.232.000đ, tổng cộng: 1.257.448.400đ (Một tỷ hai trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

3. Về nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản: Buộc ông Dương Văn T phải thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho bà Trần Ngọc Quỳnh C số tiền 205.963.571đ (Hai trăm lẻ năm triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi một đồng).

4. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Dương Văn T có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện và chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc tính đến ngày 29/8/2019 cho Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị là 343.758.466đồng (*ma trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*) và tiền lãi vay hàng tháng theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 0907-LAV-201702970 ngày 16/11/2017, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/11/2022 và Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201601948 ngày 22/6/2016, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 22/6/2021 kèm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 197091255/HĐTC ngày 15/6/2016 đã được ký kết giữa Ngân hàng NN&PTNT – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị và bà Trần Ngọc Quỳnh C, ông Dương Văn T. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất diện tích 351 m² tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 535676 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/03/2016 mang tên ông Dương Văn T và bà Trần Ngọc Quỳnh C.

5. Về án phí:

Bà Trần Ngọc Quỳnh C phải chịu 30.004.968đ (Ba mươi triệu không trăm lẻ bốn nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 29.250.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0007215 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Bà Trần Ngọc Quỳnh C còn phải nộp 754.968đ (Bảy trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng).

Ông Dương Văn T phải chịu 37.503.726đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ ba nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bà Trần Ngọc Quỳnh C, ông Dương Văn T và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/8/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện H.Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Huy